



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 2 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

Các Công ty con

- Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng (Công ty TNHH một thành viên In Chuyên Dùng đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 24/06/2014 theo Quyết định số 81/QĐ_STB_14 của Hội đồng quản trị).
- Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương);
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2014: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 293 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 23 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Lê Kế Đức | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/03/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/03/2012 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhở | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/03/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015 |
| | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/02/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Ngô Trần Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2014 Miễn nhiệm ngày 01/02/2015
• Ông Từ Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 Miễn nhiệm ngày 10/02/2014
• Ông Lê Kế Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Từ Trung Đan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2014
• Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/02/2015

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dong.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 340/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23/03/2015, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Lê Vinh Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.973.175.605	91.118.716.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	30.198.679.853	26.009.942.274
1. Tiền	111		1.849.900.800	5.730.136.466
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.348.779.053	20.279.805.808
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.132.749.697	29.863.607.104
1. Phải thu khách hàng	131		29.304.600.996	26.293.414.050
2. Trả trước cho người bán	132		1.072.801.201	3.620.043.082
3. Các khoản phải thu khác	135	6	43.463.531	163.103.130
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(288.116.031)	(212.953.158)
IV. Hàng tồn kho	140		33.452.899.605	29.849.351.943
1. Hàng tồn kho	141	8	33.509.751.727	30.276.429.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(56.852.122)	(427.077.492)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		188.846.450	395.814.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	143.072.450	218.804.756
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	15.010.170
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	45.774.000	162.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.805.528.791	46.801.060.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.629.690.512	28.693.032.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.598.854.148	26.738.827.386
- Nguyên giá	222		39.261.303.623	36.544.286.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.662.449.475)	(9.805.459.040)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	1.704.001.902
- Nguyên giá	228		-	2.248.129.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(544.127.598)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.030.836.364	250.202.936
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	6.047.000.000	7.330.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	5.760.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.195.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.092.000.000	1.570.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.128.838.279	10.778.028.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	10.128.838.279	10.778.028.765
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.778.704.396	137.919.777.236

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.117.969.108	53.119.794.288
I. Nợ ngắn hạn	310		45.117.969.108	53.119.794.288
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	14.367.000.000	14.664.300.000
2. Phải trả người bán	312		12.590.852.615	11.220.851.744
3. Người mua trả tiền trước	313		237.165.032	3.245.071.296
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	325.097.430	609.172.512
5. Phải trả người lao động	315		6.324.512.743	8.955.650.758
6. Chi phí phải trả	316	18	616.222.833	922.325.148
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	4.965.379.865	9.984.337.438
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.691.738.590	3.518.085.392
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.660.735.288	84.799.982.948
I. Vốn chủ sở hữu	410		91.660.735.288	84.799.982.948
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	12.325.320.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	4.321.329.908	3.645.310.107
4. Cổ phiếu quỹ	414	23	-	(3.275.267.777)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	12.549.012.377	11.822.972.453
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	3.859.397.201	3.183.377.400
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	513.999.578	442.970.765
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136.778.704.396	137.919.777.236

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	262.466.525	262.466.525
2. Ngoại tệ (USD)	9.309,60	645,75



TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	23	252.080.350.124	255.865.380.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.817.871.645	3.094.567.632
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	23	249.262.478.479	252.770.812.727
4. Giá vốn hàng bán	11	24	194.747.722.024	192.548.403.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>54.514.756.455</u>	<u>60.222.409.456</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.947.338.800	2.999.018.251
7. Chi phí tài chính	22	26	4.655.511.426	5.794.813.159
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.905.092.977</i>	<i>2.507.681.590</i>
8. Chi phí bán hàng	24		24.812.602.857	24.017.563.594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.582.396.115	18.230.269.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>10.411.584.857</u>	<u>15.178.781.191</u>
11. Thu nhập khác	31	27	11.970.232.242	1.303.464.109
12. Chi phí khác	32	28	6.181.312.151	679.591.862
13. Lợi nhuận khác	40		<u>5.788.920.091</u>	<u>623.872.247</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	<u>16.200.504.948</u>	<u>15.802.653.438</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.680.108.926	2.426.583.652
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	<u>13.520.396.022</u>	<u>13.376.069.786</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.494	2.486

Tổng Giám đốc



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Huỳnh Thị Bích Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên
quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	266.225.123.823	278.068.478.738
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(215.823.831.760)	(212.992.608.115)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.759.562.731)	(28.762.133.222)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.905.092.977)	(2.507.681.590)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.036.370.750)	(3.506.743.278)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.406.425.492	3.405.679.554
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.776.794.196)	(16.467.631.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.329.896.901	17.237.360.901
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.803.723.334)	(5.667.368.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	7.369.602.058	6.280.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000)	(6.035.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	5.415.000.000	58.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.092.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.986.972.245	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.551.879.908	2.091.009.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.387.730.877	(3.273.358.447)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.711.644.001	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	32.289.091.290	56.734.118.590
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.586.391.290)	(58.154.118.590)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.944.433.775)	(3.884.716.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.530.089.774)	(5.304.716.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.187.538.004	8.659.285.954
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.009.942.274	17.350.888.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	1.199.575	(231.803)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	30.198.679.853	26.009.942.274

Tổng Giám đốc

Trần Văn Hưng
TP HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập



Huỳnh Thị Bích Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch, đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc năm tài chính (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 44
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Phân phối lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà công ty đang thực hiện

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	164.024.948	424.371.495
Tiền gửi ngân hàng	1.685.875.852	5.305.764.971
Tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay có kỳ hạn không quá 3 tháng	28.348.779.053	20.279.805.808
Cộng	30.198.679.853	26.009.942.274

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu về thuế TNCN	335.300	124.592.957
Lãi dự thu	24.342.852	38.510.173
Phải thu khác	18.785.379	-
Cộng	43.463.531	163.103.130

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:	288.116.031	212.953.158
- Trên 3 năm	33.000.000	100.695.200
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	176.985.936	112.257.958
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	78.130.095	-
Cộng	288.116.031	212.953.158

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.499.430.567	5.431.574.790
Công cụ, dụng cụ	21.009.144	76.696.555
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.399.331.615	1.788.727.507
Thành phẩm	8.700.395.230	6.057.098.202
Hàng hóa	16.889.585.171	16.922.332.381
Cộng	33.509.751.727	30.276.429.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	116.388.993	188.308.331
Chi phí trả trước khác	26.683.457	30.496.425
Cộng	143.072.450	218.804.756

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	20.774.000	142.000.000
Ký quỹ ngắn hạn	25.000.000	20.000.000
Cộng	45.774.000	162.000.000

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.078.956.077	4.680.925.171	2.119.900.581	664.504.597	36.544.286.426
Mua sắm trong kỳ	46.000.000	3.200.021.570	240.000.000	36.871.500	3.522.893.070
Nhận từ Công ty con (*)	1.144.586.415	4.529.527.202	-	66.168.095	5.740.281.712
T/lý, nhượng bán	4.004.344.731	2.050.143.702	425.501.057	66.168.095	6.546.157.585
Số cuối kỳ	26.265.197.761	10.360.330.241	1.934.399.524	701.376.097	39.261.303.623
Khấu hao					
Số đầu năm	6.218.309.918	2.394.976.930	902.583.142	289.589.050	9.805.459.040
Khấu hao trong kỳ	674.360.313	828.755.662	243.248.450	98.301.423	1.844.665.848
Nhận từ Công ty con (*)	606.517.045	4.016.093.066	-	66.168.095	4.688.778.206
T/lý, nhượng bán	714.974.900	1.469.809.567	425.501.057	66.168.095	2.676.453.619
Số cuối kỳ	6.784.212.376	5.770.016.091	720.330.535	387.890.473	13.662.449.475
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.860.646.159	2.285.948.241	1.217.317.439	374.915.547	26.738.827.386
Số cuối kỳ	19.480.985.385	4.590.314.150	1.214.068.989	313.485.624	25.598.854.148

(*) Trong năm 2014 Công ty TNHH MTV In chuyên dùng giải thể, Công ty mẹ nhận mua lại toàn bộ tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 4.127.643.056 đồng.

Tại ngày 31/12/2014 không có tài sản cố định đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.248.129.500	2.248.129.500
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	2.248.129.500	2.248.129.500
Số cuối năm	-	-
Khấu hao		
Số đầu năm	544.127.598	544.127.598
Khấu hao trong năm	42.340.967	42.340.967
Thanh lý, nhượng bán	586.468.565	586.468.565
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.704.001.902	1.704.001.902
Số cuối năm	-	-

(*) Là quyền sử dụng đất tại KCN Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.575 m2 có thời hạn đến 31/12/2047. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng tài sản này cho Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 theo hợp đồng mua bán nhà xưởng - văn phòng ngày 18/04/2014.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cải tạo nhà xưởng 122 Phan Văn Trị	-	195.868.236
Công trình xây dựng xưởng mộc KCN Sóng Thần	-	54.334.700
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	158.109.090	-
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	190.909.092	-
Chi phí thiết kế 104/5 Mai Thị Lựu	681.818.182	-
Cộng	1.030.836.364	250.202.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty con		2.760.000.000		5.760.000.000
- Công ty TNHH MTV In Chuyên Dùng (100% VĐL)		-		3.000.000.000
- Công ty CP Giáo dục An Đông (52,77% VĐL) (1)	276.000	2.760.000.000	276.000	2.760.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.195.000.000		-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Tây Ninh (1)	21.920	2.195.000.000	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác		1.092.000.000		1.570.000.000
- Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Tây Ninh		-	1.000	103.000.000
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định (1)	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
- DNTN Nhựa Tiền Vinh (cho vay) (2)		550.000.000		950.000.000
- Trần Tuấn Kiệt (cho vay) (3)		15.000.000		27.000.000
- Nguyễn Tuấn Thanh (cho vay) (4)		37.000.000		-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		-
Cộng		6.047.000.000		7.330.000.000

- (1) Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Giáo dục An Đông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định và Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tây Ninh có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn nên Công ty không trích dự phòng đối với các khoản đầu tư này.
- (2) Cho Doanh nghiệp tư nhân Nhựa Tiền Vinh vay theo Hợp đồng vay vốn số 27/T10/STB ngày 05/10/2013, lãi suất cho vay là 10%/năm.
- (3) Cho Ông Trần Tuấn Kiệt vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 23/05/2013, lãi suất cho vay là 11%/năm. Thời hạn cho vay đến 24/05/2016.
- (4) Cho Ông Nguyễn Tuấn Thanh vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 10/10/2014, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Thời hạn cho vay đến 11/10/2016.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	428.170.862	682.876.363
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	198.276.725	91.207.916
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	1.246.437.775	1.693.570.554
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	112.209.950	161.766.959
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.955.884.779	8.145.310.611
Sửa chữa Cửa hàng Bình Thạnh	130.571.882	-
Chi phí khác	57.286.306	3.296.362
Cộng	10.128.838.279	10.778.028.765

(*) Thuê 20.600 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn (Vay các cá nhân)	14.367.000.000	14.664.300.000
Cộng	14.367.000.000	14.664.300.000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	174.331.761	126.029.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.861.041	483.142.988
Thuế thu nhập cá nhân	73.904.628	-
Cộng	325.097.430	609.172.512

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước CP chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng môi giới	551.222.833	857.325.148
Trích trước chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	616.222.833	922.325.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	297.054.649	298.923.847
Phải trả về cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	3.724.718.157	8.303.962.932
Các khoản phải trả, phải nộp khác	219.836.059	657.679.659
- <i>Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>117.306.472</i>	<i>444.220.722</i>
- <i>Thuế thu nhập cá nhân tạm thu</i>	<i>15.597.037</i>	<i>15.597.037</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>86.932.550</i>	<i>197.861.900</i>
Cộng	4.965.379.865	9.984.337.438

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	2.976.506.618	(3.275.267.777)	12.402.085.004	2.514.573.911	4.389.355.590
Tăng trong năm	-	-	668.803.489	-	668.803.489	668.803.489	13.376.069.786
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.247.916.040	-	17.322.454.611
Số dư tại 31/12/2013	56.655.300.000	12.325.320.000	3.645.310.107	(3.275.267.777)	11.822.972.453	3.183.377.400	442.970.765
Số dư tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.645.310.107	(3.275.267.777)	11.822.972.453	3.183.377.400	442.970.765
Tăng trong năm	-	1.436.376.224	676.019.801	-	726.039.924	676.019.801	13.520.396.022
Giảm trong năm	-	-	-	(3.275.267.777)	-	-	13.449.367.209
Số dư tại 31/12/2014	56.655.300.000	13.761.696.224	4.321.329.908	-	12.549.012.377	3.859.397.201	513.999.578

(*) Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm 2014: 726.039.924 đồng, bao gồm:

- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014: 676.019.801 đồng;
- Công ty tự xác định lại số thuế TNDN được miễn giảm của năm 2012 theo quy định tại Thông tư 140/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, thuế TNDN được miễn giảm của năm 2012 tăng thêm 50.020.123 đồng được Công ty bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2014 cổ phiếu	31/12/2013 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	284.500
- Cổ phiếu thường	-	284.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	442.970.765	4.389.355.590
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.520.396.022	13.376.069.786
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	3.766.721.000
- Chia cổ tức	-	3.766.721.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	13.449.367.209	13.555.733.611
- Trích quỹ đầu tư phát triển	676.019.801	668.803.489
- Trích quỹ dự phòng tài chính	676.019.801	668.803.489
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn	676.019.801	668.803.489
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.380.099.005	2.808.974.655
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	676.019.801	668.803.489
- Chia cổ tức	7.365.189.000	8.071.545.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	513.999.578	442.970.765

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/14 ngày 30/03/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT/2015 ngày 14/01/2015 của Hội đồng quản trị.

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/14 ngày 30/03/2014 quyết định chi trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 15%/Giá trị cổ phiếu lưu hành theo mệnh giá, tương ứng 8.071.545.000 đồng.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/NQHĐQT/2014 ngày 16/12/2014 thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền với tỷ lệ 13%/vốn điều lệ (tương ứng 7.365.189.000 đồng). Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	252.080.350.124	255.865.380.359
+ Doanh thu bán sách và sản phẩm in	100.502.831.177	99.131.596.592
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	150.254.917.234	156.328.200.135
+ Doanh thu khác	1.322.601.713	405.583.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.817.871.645	3.094.567.632
+ Giảm giá hàng bán	-	49.063.684
+ Hàng bán bị trả lại	2.817.871.645	3.045.503.948
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.262.478.479	252.770.812.727

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	84.255.493.229	79.658.713.326
Giá vốn thiết bị giáo dục	110.329.873.399	112.993.935.896
Giá vốn khác	532.580.766	255.329.903
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(370.225.370)	(359.575.854)
Cộng	194.747.722.024	192.548.403.271

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.160.319.683	1.433.600.940
Cổ tức, lợi nhuận được chia	377.392.904	695.918.786
Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được	401.480.422	869.498.525
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.946.216	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.199.575	-
Cộng	1.947.338.800	2.999.018.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	1.905.092.977	2.507.681.590
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.734.584.925	3.286.899.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.805.769	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	231.803
Lỗ từ thu hồi vốn đầu tư Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	13.027.755	-
Cộng	4.655.511.426	5.794.813.159

25. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý TSCĐ	1.671.606.364	1.163.636.363
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	10.000.000.000	-
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	186.349.085	96.740.103
Thanh lý vật tư, hàng kém chất lượng	28.022.000	2.608.001
Thu giảm cước	4.363.716	3.205.045
Vận chuyển sách	-	3.136.364
Thu nhập khác	79.891.077	34.138.233
Cộng	11.970.232.242	1.303.464.109

26. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	580.334.135	491.532.967
Chi phí thanh lý tài sản cố định	207.463.636	-
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	5.024.961.616	-
- Giá trị còn lại của bất động sản chuyển nhượng	4.951.030.766	-
- Chi phí liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	73.930.850	-
Xuất vật tư hàng hóa kém chất lượng thanh lý	252.023.609	184.468.364
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	82.440.919	-
Chi phí khác	34.088.236	3.590.531
Cộng	6.181.312.151	679.591.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.200.504.948	15.802.653.438
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.079.143.956	9.270.137.212
- Hoạt động không được ưu đãi	4.146.322.608	6.532.516.226
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.975.038.384	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(156.840.401)	(534.236.502)
Điều chỉnh tăng	221.752.078	161.682.284
- Chi phí không được trừ	221.752.078	161.450.481
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	231.803
Điều chỉnh giảm	378.592.479	695.918.786
- Cổ tức lợi nhuận được chia	377.392.904	695.918.786
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.199.575	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.043.664.547	15.268.416.936
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.079.143.956	9.270.137.212
- Hoạt động không được ưu đãi	3.989.482.207	5.998.279.724
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.975.038.384	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.680.108.926	2.426.583.652
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	707.914.396	927.013.721
- Hoạt động không được ưu đãi	877.686.086	1.499.569.931
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.094.508.444	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.520.396.022	13.376.069.786

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.520.396.022	13.376.069.786
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	13.520.396.022	13.376.069.786
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.421.253	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.494	2.486

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.005.965.315	48.359.559.405
Chi phí nhân công	33.811.974.043	32.270.741.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.887.006.815	1.903.134.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.067.636.626	13.221.090.422
Chi phí khác bằng tiền	5.752.582.589	2.534.831.585
Cộng	103.525.165.388	98.289.357.564

30. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	9.309,60	645,75

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

DVT: VND

<u>31/12/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	14.367.000.000	-	14.367.000.000
Phải trả người bán	12.590.852.615	-	12.590.852.615
Chi phí phải trả	616.222.833	-	616.222.833
Phải trả khác	4.668.325.216	-	4.668.325.216
Cộng	32.242.400.664	-	32.242.400.664
<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	14.664.300.000	-	14.664.300.000
Phải trả người bán	11.220.851.744	-	11.220.851.744
Chi phí phải trả	922.325.148	-	922.325.148
Phải trả khác	9.685.413.591	-	9.685.413.591
Cộng	36.492.890.483	-	36.492.890.483

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

DVT: VND

<u>31/12/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và khoản tương đương tiền	30.198.679.853	-	30.198.679.853
Phải thu khách hàng	29.016.484.965	-	29.016.484.965
Đầu tư tài chính	-	1.092.000.000	1.092.000.000
Phải thu khác	43.463.531	-	43.463.531
Tài sản tài chính khác	25.000.000	-	25.000.000
Cộng	59.283.628.349	1.092.000.000	60.375.628.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	26.009.942.274	-	26.009.942.274
Phải thu khách hàng	26.080.460.892	-	26.080.460.892
Đầu tư tài chính	5.000.000.000	1.570.000.000	6.570.000.000
Phải thu khác	38.510.173	-	38.510.173
Tài sản tài chính khác	20.000.000	-	20.000.000
Cộng	57.148.913.339	1.570.000.000	58.718.913.339

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là: kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

32. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Công ty con
Công ty CP Giáo dục An Đông	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Thiết bị, băng đĩa, ấn phẩm	7.761.908.871	4.928.953.263
Công ty CP Sách GD tại Thành phố HCM	Sách, thiết bị	87.049.640	49.654.745
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Sách, thiết bị, chuyên nhượng bất động sản	13.466.047.514	3.239.810.000
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	59.582.852	465.700.130
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Văn phòng phẩm	-	-
Công ty CP Giáo dục An Đông	Sách, thiết bị, dịch vụ, tscđ	2.570.320.633	6.385.908.040
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	275.796.000	572.577.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	2.313.519.424	1.354.927.091
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	2.592.536.512	5.069.919.822
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thiết bị	3.837.714.461	5.080.462.752
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Phí quản lý xuất bản	248.998.950	223.995.000
Công ty CP Sách Thiết bị GD Miền Nam	Sách giáo khoa, bìa bao	45.143.303.077	44.783.408.933
Công ty CP Sách GD tại Thành phố HCM	Sách tham khảo	768.384.873	958.281.498
Công ty Cổ phần Học liệu	Băng đĩa giáo dục	189.620.000	344.666.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị giáo dục	64.258.296	44.476.364
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Sách t/khảo, văn hoá phẩm	23.832.190.880	22.333.469.716
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Dịch vụ in ấn, bao thư	1.939.264.177	2.884.581.870
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bản đồ, tranh ảnh	4.134.009.112	4.690.784.760
Công ty CP Giáo dục An Đông	Sách, thiết bị	1.157.918.330	-
Thu lãi cho vay vốn và cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Cổ tức được chia	35.592.904	126.568.786
	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	27.272.727
Cty TNHH MTV NXB giáo dục Việt Nam	Cho vay	-	10.000.000.000
	Lãi cho vay	612.500.000	212.366.667
Mua tài sản cố định và nhận lại vốn góp			
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	Mua tài sản cố định	1.051.503.506	-
	Nhận lại vốn góp	2.986.972.245	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu			
Công ty CP Giáo dục An Đông	Phải thu khách hàng	301.134.312	1.343.829.925
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	1.922.283.532	1.979.264.130
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải thu khách hàng	2.773.156.665	2.058.583.733
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải thu khách hàng	279.082.896	578.272.251
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Phải thu khách hàng	75.374.900	260.140.154
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Phải thu khách hàng	524.353.299	506.095.620
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Phải thu khách hàng	222.267.002	2.968.852.168
Cty TNHH MTV NXB giáo dục Việt Nam	Nợ gốc cho vay	-	10.000.000.000
Phải trả			
Công ty CP ĐT và Phát triển GD Phương Nam	Phải trả người bán	284.911.500	464.935.297
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố HCM	Phải trả người bán	166.460.762	199.963.030
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Người mua trả tiền trước	-	5.000.000.000

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	795.056.000	660.764.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.389.861.200	1.421.172.700

33. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m2 đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTD/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m2 đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m2 đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc - nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m2 đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m2 đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +(84-511) 3655 886
Fax: +(84-511) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +(84-8) 3910 2235
Fax: +(84-8) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Thành viên
 **PrimeGlobal**